

Số: 1061/TB-ĐHTM

Hà Nội, ngày 20 tháng 11 năm 2020

THÔNG BÁO

TUYỂN SINH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ ĐỢT 1 NĂM 2021

Căn cứ Thông tư số 15/2014/TT-BGDĐT ngày 15/5/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ; Thông tư số 06/2018/TT-BGDĐT ngày 28/2/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về việc xác định chỉ tiêu tuyển sinh trình độ trung cấp, cao đẳng các ngành đào tạo giáo viên; trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ; Thông tư số 01/2019/TT-BGDĐT ngày 25/02/2019 và Thông tư số 07/2020/TT-BGDĐT ngày 20/03/2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 06/2018/TT-BGDĐT ngày 28/2/2018; Trường Đại học Thương mại thông báo tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ đợt 1 năm 2021 như sau:

1. Chuyên ngành đào tạo và chỉ tiêu tuyển sinh dự kiến

TT	Chuyên ngành	Mã số	Chỉ tiêu dự kiến
1	Kinh doanh thương mại	8340121	15
2	Kế toán	8340301	30
3	Quản lý kinh tế	8340410	70
4	Quản trị kinh doanh	8340101	50
5	Tài chính - Ngân hàng	8340201	45
6	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	8810103	10
7	Quản trị nhân lực	8340404	15

Ghi chú: Căn cứ vào số lượng thí sinh đăng ký dự thi và kết quả thi tuyển thực tế, chỉ tiêu tuyển sinh cụ thể cho từng chuyên ngành sẽ được điều chỉnh lại cho phù hợp với nhu cầu thực tiễn.

2. Hình thức và thời gian đào tạo

- Hình thức đào tạo: chính quy
- Thời gian đào tạo: 2,0 năm

3. Hình thức tuyển sinh

- Thi tuyển: đối với thí sinh là người Việt Nam
- Xét tuyển: đối với thí sinh là người nước ngoài (có quy định riêng).

Các môn thi:

- **Môn cơ bản:** Kinh tế học

- **Môn cơ sở ngành:**

+ Marketing căn bản (đối với chuyên ngành Kinh doanh thương mại)

+ Nguyên lý kế toán (đối với chuyên ngành Kế toán)

+ Nguyên lý quản lý kinh tế (đối với chuyên ngành Quản lý kinh tế)

+ Quản trị học (đối với chuyên ngành Quản trị kinh doanh)

+ Nhập môn Tài chính - Tiền tệ (đối với chuyên ngành Tài chính - Ngân hàng)

+ Quản trị dịch vụ (đối với chuyên ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành)

+ Quản trị nhân lực căn bản (đối với chuyên ngành Quản trị nhân lực)

- **Môn ngoại ngữ:** Tiếng Anh (Theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam)

Thí sinh có năng lực Tiếng Anh thuộc một trong các trường hợp sau được miễn thi môn ngoại ngữ:

a) Có bằng tốt nghiệp đại học, thạc sĩ, tiến sĩ được đào tạo bằng tiếng Anh toàn thời gian ở nước ngoài, được cơ quan có thẩm quyền công nhận văn bằng theo quy định hiện hành;

b) Có bằng tốt nghiệp đại học chương trình tiên tiến theo Đề án của Bộ Giáo dục và Đào tạo về đào tạo chương trình tiên tiến ở một số trường đại học của Việt Nam, giảng dạy bằng tiếng Anh;

c) Có bằng tốt nghiệp đại học ngành tiếng Anh;

d) Có chứng chỉ trình độ tiếng Anh (được quy định tại Phụ lục 1 của Thông báo này) trong thời hạn 2 năm từ ngày cấp chứng chỉ đến ngày thi tuyển sinh, được cấp bởi một cơ sở được Bộ Giáo dục và Đào tạo cho phép hoặc công nhận.

4. Đối tượng và điều kiện dự thi

Đối tượng dự thi đào tạo trình độ thạc sĩ là công dân Việt Nam đáp ứng được điều kiện sau:

4.1. Điều kiện văn bằng

Thí sinh đăng kí dự thi đào tạo trình độ thạc sĩ phải có văn bằng sau đây:

TT	Chuyên ngành	Văn bằng đại học
1	Kinh doanh thương mại	
	- Chuyên ngành đúng và phù hợp	- Chuyên ngành Marketing thương mại, Thương mại quốc tế của Trường Đại học Thương mại; - Các chuyên ngành thuộc nhóm ngành kinh doanh của các trường đại học khác; - Các chuyên ngành thuộc ngành Quản trị kinh doanh của Trường Đại học Thương mại.
	- Chuyên ngành gần	- Các chuyên ngành khác thuộc khối ngành Kinh doanh và Quản lý (nhóm ngành Kinh doanh, Tài chính - Ngân hàng - Bảo hiểm, Kế toán - Kiểm toán, Quản trị - Quản lý), chuyên ngành Kinh tế, Quản lý kinh tế của Trường Đại học Thương mại và của các trường đại học khác.
	- Chuyên ngành khác	- Các chuyên ngành thuộc khối ngành kĩ thuật, tự nhiên, xã hội, ngôn ngữ của các trường đại học.
2	Kế toán	
	- Chuyên ngành đúng và phù hợp	- Chuyên ngành Kế toán - Tài chính doanh nghiệp thương mại của Trường Đại học Thương mại; - Các chuyên ngành thuộc nhóm ngành Kế toán - Kiểm toán của các trường đại học khác.
	- Chuyên ngành gần	- Các chuyên ngành khác thuộc khối ngành Kinh doanh và Quản lý (nhóm ngành Kinh doanh, Tài chính - Ngân hàng - Bảo hiểm, Kế toán - Kiểm toán, Quản trị - Quản lý) của Trường Đại học Thương mại và của các trường đại học khác.
	- Chuyên ngành khác	- Các chuyên ngành thuộc khối ngành kĩ thuật, tự nhiên, xã hội, ngôn ngữ của các trường đại học.
3	Quản lý kinh tế	
	- Chuyên ngành đúng và phù hợp	- Chuyên ngành Kinh tế thương mại của Trường Đại học Thương mại; - Chuyên ngành Kinh tế, Quản lý kinh tế của các trường đại học

		khác.
	- Chuyên ngành gần	- Các chuyên ngành khác thuộc khối ngành Kinh doanh và Quản lý (nhóm ngành Kinh doanh, Tài chính - Ngân hàng - Bảo hiểm, Kế toán - Kiểm toán, Quản trị - Quản lý) của Trường Đại học Thương mại và của các trường đại học khác.
	- Chuyên ngành khác	- Các chuyên ngành thuộc khối ngành kĩ thuật, tự nhiên, xã hội, ngôn ngữ của các trường đại học.
4	Quản trị kinh doanh	
	- Chuyên ngành đúng và phù hợp	- Các chuyên ngành thuộc ngành Quản trị kinh doanh của Trường Đại học Thương mại; - Chuyên ngành Quản trị kinh doanh của các trường đại học khác.
	- Chuyên ngành gần	- Các chuyên ngành khác thuộc khối ngành Kinh doanh và Quản lý (nhóm ngành Kinh doanh, Tài chính - Ngân hàng - Bảo hiểm, Kế toán - Kiểm toán, Quản trị - Quản lý), Kinh tế và Quản lý kinh tế của Trường Đại học Thương mại và của các trường đại học khác.
	- Chuyên ngành khác	- Các chuyên ngành thuộc khối ngành kĩ thuật, tự nhiên, xã hội, ngôn ngữ của các trường đại học.
5	Tài chính - Ngân hàng	
	- Chuyên ngành đúng và phù hợp	- Chuyên ngành Tài chính - Ngân hàng thương mại của Trường Đại học Thương mại; - Các chuyên ngành thuộc nhóm ngành Tài chính - Ngân hàng - Bảo hiểm của các trường đại học khác.
	- Chuyên ngành gần	- Các chuyên ngành khác thuộc khối ngành Kinh doanh và Quản lý (nhóm ngành Kinh doanh, Kế toán - Kiểm toán, Quản trị - Quản lý), Kinh tế và Quản lý kinh tế của Trường Đại học Thương mại và của các trường đại học khác.
	- Chuyên ngành khác	- Các chuyên ngành thuộc khối ngành kĩ thuật, tự nhiên, xã hội, ngôn ngữ của các trường đại học.
6	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	
	- Chuyên ngành đúng và phù hợp	- Chuyên ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành, Quản trị khách sạn của Trường Đại học Thương mại; - Chuyên ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành, Quản trị khách sạn của các trường đại học khác. - Các chuyên ngành thuộc ngành Quản trị kinh doanh của Trường Đại học Thương mại.
	- Chuyên ngành gần	- Các chuyên ngành khác thuộc khối ngành Kinh doanh và Quản lý (nhóm ngành Kinh doanh, Tài chính - Ngân hàng - Bảo hiểm, Kế toán - Kiểm toán, Quản trị - Quản lý), Kinh tế và Quản lý kinh tế của Trường Đại học Thương mại và của các trường đại học khác.

	- Chuyên ngành khác	- Các chuyên ngành thuộc khối ngành kỹ thuật, tự nhiên, xã hội, ngôn ngữ của các trường đại học.
7	Quản trị nhân lực	
	- Chuyên ngành đúng và phù hợp	- Chuyên ngành Quản trị nhân lực của Trường Đại học Thương mại; - Chuyên ngành Quản trị nhân lực của các trường đại học khác; - Các chuyên ngành thuộc ngành Quản trị kinh doanh của Trường Đại học Thương mại.
	- Chuyên ngành gần	- Các chuyên ngành khác thuộc khối ngành Kinh doanh và Quản lý (nhóm ngành Kinh doanh, Tài chính - Ngân hàng - Bảo hiểm, Kế toán - Kiểm toán, Quản trị - Quản lý), Kinh tế và Quản lý kinh tế của Trường Đại học Thương mại và của các trường đại học khác.
	- Chuyên ngành khác	- Các chuyên ngành thuộc khối ngành kỹ thuật, tự nhiên, xã hội, ngôn ngữ của các trường đại học.

Danh mục các nhóm ngành, khối ngành nêu ở bảng trên thực hiện theo Thông tư số 25/2017/TT-BGDĐT ngày 10/10/2017 của Bộ GD&ĐT.

a) Thí sinh có bằng tốt nghiệp đại học thuộc nhóm ngành đúng, phù hợp và ngành gần không phải học bổ sung kiến thức trước khi thi tuyển sinh.

b) Thí sinh có bằng tốt nghiệp đại học thuộc nhóm ngành khác phải học bổ sung một số học phần trong chương trình đào tạo đại học của chuyên ngành đăng ký dự thi trước khi thi tuyển sinh. Chương trình các học phần bổ sung của từng chuyên ngành thực hiện theo Quyết định số 1432/QĐ-ĐHTM ngày 12/10/2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Thương mại.

Thí sinh được xem xét miễn học và thi học phần bổ sung nếu thỏa mãn đồng thời các điều kiện sau: (i) Học phần xin miễn có tên trong Bảng điểm đại học của thí sinh (tên học phần ghi trong bảng điểm phải hoàn toàn trùng khớp với tên học phần bổ sung); (ii) Học phần có số tín chỉ lớn hơn hoặc bằng số tín chỉ đào tạo theo quy định của Trường Đại học Thương mại; (iii) Điểm học phần phải từ 5 trở lên (thang điểm 10).

c) Thí sinh đăng ký dự thi có bằng tốt nghiệp đại học ngành/ chuyên ngành không nằm trong danh mục các ngành/ chuyên ngành đã nêu ở trên (các ngành/ chuyên ngành theo quy định cũ trước đây), Trường ĐHTM sẽ căn cứ vào Bảng điểm đại học để xét điều kiện về văn bằng đối với từng trường hợp cụ thể.

d) Thí sinh có bằng đại học do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp phải có văn bản công nhận là “bằng đại học” do Cục Quản lý Chất lượng Giáo dục - Bộ Giáo dục và Đào tạo cấp.

4.2. Điều kiện thâm niên công tác

Đối tượng tuyển sinh có bằng tốt nghiệp đại học ngành/chuyên ngành đúng, phù hợp và ngành gần được dự thi ngay sau khi tốt nghiệp; người có bằng tốt nghiệp ngành khác đăng ký dự thi vào ngành, chuyên ngành thuộc lĩnh vực quản trị, quản lý phải có tối thiểu 2 (hai) năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực đăng ký dự thi.

4.3. Điều kiện về lý lịch

Có lý lịch bản thân rõ ràng, không trong thời gian thi hành kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên và không trong thời gian thi hành án hình sự, được cơ quan quản lý nhân sự nơi đang làm việc hoặc chính quyền địa phương nơi cư trú xác nhận.

4.4. Điều kiện về sức khỏe

Có đủ sức khỏe để học tập. Đối với con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hoá học Trường Đại học Thương mại sẽ xem xét, quyết định cho dự thi tuyển sinh tùy tình trạng sức khoẻ và yêu cầu của ngành học.

4.5. Nộp hồ sơ đầy đủ, đúng thời hạn theo quy định của Trường Đại học Thương mại.

5. Đối tượng và chính sách ưu tiên

Thực hiện theo Quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ ban hành kèm theo Thông tư số 15/2014/TT-BGDĐT ngày 15/05/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

5.1. Đối tượng ưu tiên

a) Người có thời gian công tác liên tục từ 2 năm trở lên (tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ đăng ký dự thi) tại các địa phương được quy định là Khu vực 1 trong Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy hiện hành. Trong trường hợp này, thí sinh phải có quyết định tiếp nhận công tác hoặc điều động, biệt phái công tác của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền;

b) Thương binh, người hưởng chính sách như thương binh;

c) Con liệt sĩ;

d) Anh hùng lực lượng vũ trang, anh hùng lao động;

đ) Người dân tộc thiểu số có hộ khẩu thường trú từ 2 năm trở lên ở địa phương được quy định tại Điểm a;

e) Con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hoá học, được Ủy ban Nhân dân cấp tỉnh công nhận bị dị dạng, dị tật, suy giảm khả năng tự lực trong sinh hoạt, học tập do hậu quả của chất độc hoá học.

5.2. Chính sách ưu tiên

Người dự thi thuộc đối tượng ưu tiên quy định tại mục 5.1 (bao gồm cả người thuộc nhiều đối tượng ưu tiên) được cộng vào kết quả thi mười điểm cho môn ngoại ngữ (thang điểm 100) nếu không thuộc diện được miễn thi ngoại ngữ và cộng một điểm (thang điểm 10) cho môn Kinh tế học.

6. Kế hoạch tuyển sinh

6.1. Thời gian phát hành và nhận hồ sơ tuyển sinh

Vào giờ hành chính các ngày làm việc (từ thứ hai đến thứ sáu) trong khoảng thời gian sau:

- Phát hành hồ sơ: từ **20/11/2020** đến **03/02/2021** và từ **22/02/2021** đến **03/3/2021**;

- Nhận hồ sơ: từ **20/11/2020** đến **03/02/2021** và từ **22/02/2021** đến **05/3/2021**.

Nhà trường chỉ nhận hồ sơ tuyển sinh theo mẫu do Trường phát hành. Hồ sơ đăng ký dự thi gồm:

a) Đơn xin dự thi tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ;

b) Bản sao có chứng thực bằng cử nhân (bằng tốt nghiệp đại học), bằng điểm đại học. Đối với thí sinh có bằng đại học hệ liên thông phải nộp cả bằng tốt nghiệp và bằng điểm trung cấp/cao đẳng;

c) Sơ yếu lý lịch có xác nhận của chính quyền địa phương, hoặc thủ trưởng cơ quan công tác. Ảnh trên sơ yếu lý lịch phải đóng dấu giáp lai;

d) Giấy chứng nhận đủ sức khỏe để học tập của một bệnh viện đa khoa;

đ) Bản sao công chứng giấy tờ hợp pháp về đối tượng ưu tiên (nếu có).

e) Các giấy tờ khác và lệ phí tuyển sinh theo quy định của Trường.

Thí sinh có trách nhiệm nộp đầy đủ hồ sơ, lệ phí thi theo quy định hiện hành.

6.2. Thời gian đăng ký học bổ sung

Từ ngày **20/11/2020**: đối với thí sinh có bằng đại học thuộc ngành khác.

6.3. Thời gian và địa điểm thi

Dự kiến vào các ngày **27, 28/3/2021** tại Trường Đại học Thương mại.

6.4. Thời gian công bố kết quả tuyển sinh và khai giảng khóa học

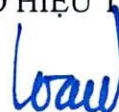
- Công bố kết quả tuyển sinh: Dự kiến từ ngày 9/4/2021 - 16/4/2021.

- Nhập học và khai giảng: Dự kiến từ ngày 27/4/2021 - 02/5/2021.

7. Học phí trong quá trình học tập

Đơn giá học phí trong từng năm học được thực hiện theo quyết định của Nhà trường, phù hợp với quy định hiện hành của Nhà nước và được công bố công khai trên website của Trường.

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



PGS.TS Nguyễn Thị Bích Loan

Ghi chú:

- Thí sinh có thể trực tiếp tải mẫu các loại hồ sơ đăng ký dự thi tại website của Trường theo địa chỉ (<http://saudaihoc.tmu.edu.vn>).

- Trường Đại học Thương mại không gửi Giấy báo thi tới từng thí sinh. Lịch thi chính thức và Danh sách thí sinh dự thi sẽ được đăng trên website của Trường theo địa chỉ trên (mục Tuyển sinh) từ ngày 8/3/2021. Những thí sinh có nhu cầu nhận Giấy báo thi bằng văn bản, liên hệ trực tiếp tại Văn phòng Khoa Sau đại học vào giờ hành chính các ngày làm việc trong tuần, bắt đầu từ ngày 19/3/2021.

- Thời gian học các học phần bổ sung: dự kiến tổ chức vào thứ sáu, thứ bảy, chủ nhật, bắt đầu từ ngày 04/01/2021.

- Chương trình các học phần bổ sung trình độ đại học của từng chuyên ngành và các thông tin chi tiết khác xem trên Website của Trường, hoặc Bảng tin Khoa Sau đại học, Trường Đại học Thương mại, hoặc liên hệ theo số máy của Văn phòng Khoa Sau đại học: 0901716333.

Phụ lục 1

**BẢNG THAM CHIẾU QUY ĐỔI MỘT SỐ CHỨNG CHỈ NGOẠI NGỮ
TƯƠNG ĐƯƠNG CẤP ĐỘ 3/6 KHUNG NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ 6 BẬC
DÙNG TRONG TUYỂN SINH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ**

*(Theo Thông tư số 15/2014/TT-BGDĐT ngày 15 tháng 5 năm 2014
của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)*

Tiếng Anh

Cấp độ (CEFR)	IELTS	TOEFL	TOEIC	Cambridge Exam	BEC	BULATS	Khung Châu Âu
3/6 (Khung VN)	4.5	450 PBT 133 CBT 45 iBT	450	Preliminary PET	Business Preliminary	40	B1

(Các điểm số nêu trên là điểm tối thiểu cần đạt được)